

2024 暑期迷你排球訓練班 - 報名名單

訓練地點: MV-01 摩士公園體育館

#	中文姓名	英文姓名	性別	報名費用	家長同意書	身分證明文件
1	徐芯妍	Ali Alayna	女			
2	歐衍諾	Au Hin Nok	男	✓	✓	✓
3	歐陽卓諾	Au Yeung Cheuk Nok	男	✓	✓	✓
4	陳健斌	Chan Kin Pan	男	✓	✓	✓
5	陳尚領	Chan Sheung Ling Andrew	男			
6	陳心妍	Chan Sum Yin	女	✓	✓	✓
7	陳詩詩	Chan Sze Sze Sisi	女	✓	✓	✓
8	陳梓令	Chan Tsz Ning	男	✓	✓	✓
9	陳子聿	Chan Tsz Yuet	男	✓	✓	✓
10	陳泳斌	Chan Wing Bun	男	✓	✓	✓
11	陳奕潼	Chan Yik Tung	女	✓	✓	✓
12	鄭濬宏	Cheng Chun Wang	男			
13	鄭晞蕾	Cheng Hei Lui Hailey	女	✓	✓	✓
14	鄭裕	Cheng Yu	男	✓	✓	✓
15	鄭睿正	Cheng Yui Ching	男	✓	✓	✓
16	張佳滢	Cheung Abigail	女	✓	✓	✓
17	張嫻庭	Cheung Hong Ting Harmony	女	✓	✓	✓
18	詹旻倩	Chim Man Sin	女	✓	✓	✓
19	錢以心	Chin Uu Sum	女	✓	✓	✓
20	趙雅琳	Chiu Nga Lam	女	✓	✓	✓
21	趙穎姿	Chiu Wing Chi	女	✓	✓	✓
22	趙倚廷	Chiu Yee Ting Hayley	女	✓	✓	✓
23	曹睿升	Cho Daniel Yui Sing	男	✓	✓	✓
24	曹丞捷	Cho Dennis Shing Jit	男	✓	✓	✓
25	蔡紫榆	Choi Madeleine Nicole	女	✓	✓	✓
26	蔡明霖	Choi Ming Lam	男	✓	✓	✓
27	周憚淳	Chow Esun Quinlan	男	✓	✓	✓
28	鄒天皓	Chow Tin Ho	男			
29	朱芷瑩	Chu Tsz Ying	女	✓	✓	✓
30	崔允曦	Chui Wan Hei	女	✓	✓	✓
31	鍾展鵬	Chung Chin Pang	男	✓	✓	✓
32	鍾佚旻	Chung Yat Man	女	✓	✓	✓
33	丁乙	Ding Yi	男	✓	✓	✓
34	方詒鋒	Fong Ko Fung	男	✓	✓	✓
35	馮晞悅	Fung Hei Yuet	女	✓	✓	✓
36	馮紫嫻	Fung Tsz Yau	女	✓	✓	✓
37	馮紫鉞	Fung Tsz Ying	女	✓	✓	✓
38	何諾希	Ho Hayees	女	✓	✓	✓
39	何天悅	Ho Tin Yuet	男	✓	✓	✓
40	何言希	Ho Yin Hei	男	✓	✓	✓
41	許綽琳	Hui Cheuk Lam	女	✓	✓	✓
42	許巧淘	Hui Hau To	女	✓	✓	✓
43	許巧意	Hui Hau Yee	女	✓	✓	✓
44	許芯諾	Hui Sum Lok Charlotte	女	✓	✓	✓
45	洪曦晨	Hung Hayson	男	✓	✓	✓

2024 暑期迷你排球訓練班 - 報名名單

訓練地點: MV-01 摩士公園體育館

#	中文姓名	英文姓名	性別	報名費用	家長同意書	身分證明文件
46	洪德洋	Hung Takeung	男	✓	✓	✓
47	洪芷珊	Hung Tsz Shan	女	✓	✓	✓
48	姜凱霖	Keung Hoi Lam	女	✓	✓	✓
49	高梓浚	Ko Carden	男	✓	✓	✓
50	高意喬	Ko Yee Kiu Joliet	男			
51	江沛晴	Kong Pui Ching	女	✓	✓	✓
52	郭梓寬	Kwok Tsz Foon Javin	男			
53	鄭厚和	Kwong Hau Wo	男	✓	✓	✓
54	黎芊滢	Lai Chin Yau	女	✓	✓	✓
55	黎永鏘	Lai Wing Cheong	男	✓	✓	✓
56	黎穎	Lai Wing Gisele	女	✓	✓	✓
57	黎永鏗	Lai Wing Hang	男	✓	✓	✓
58	黎月晴	Lai Yuet Ching	女	✓	✓	✓
59	林浩峰	Lam Ho Fung	男	✓	✓	✓
60	林浩謙	Lam Ho Him	男	✓	✓	✓
61	林鎧澄	Lam Hoi Ching	女	✓	✓	✓
62	林樹莉	Lam Julie	女	✓	✓	✓
63	林雅悅	Lam Nga Yuet	女	✓	✓	✓
64	林琛穎	Lam Sum Wing	女			
65	劉駿穎	Lau Chun Wing	男	✓	✓	✓
66	劉凱婷	Lau Hoi Ting	女	✓	✓	✓
67	劉心悅	Lau Sum Yuet	女	✓	✓	✓
68	劉師穎	Lau Sze Wing	女	✓	✓	✓
69	劉焯嵐	Lay Cheuk Nam Aidan	男	✓	✓	✓
70	李皓程	Lee Ho Ching	男	✓	✓	✓
71	李愷賢	Lee Hoi Yin	男			
72	李樂童	Lee Lok Tung Emma	女	✓	✓	✓
73	李柏華	Lee Pak Wa	男			
74	李心柔	Lee Sum Yau	女	✓	✓	✓
75	梁晉軒	Leung Chun Hin	男			
76	梁健興	Leung Kin Hing	男	✓	✓	✓
77	梁天瑜	Leung Tin Yu Trinity	女			
78	李曉恩	Li Hoi Yan	女	✓	✓	✓
79	李其綦	Li Ki Chun Catherine	女	✓	✓	✓
80	李昀瑾	Li Wan Kan	女			
81	盧映綦	Lo Ying Tsun	女	✓	✓	✓
82	駱融融	Lok Yung Yung	女	✓	✓	✓
83	呂寶兒	Lu Po Yee Chloe	女	✓	✓	✓
84	呂怡	Lui Yee	女	✓	✓	✓
85	陸詩淇	Luk Sze Ki	女	✓	✓	✓
86	呂逸熙	Maia Claire Yixi Lui Schuille	女	✓	✓	✓
87	孟衍好	Man Hin Ue	女	✓	✓	✓
88	吳皓軒	Ng Ho Hin	男	✓	✓	✓
89	吳皓賢	Ng Ho Yin	男	✓	✓	✓
90	吳環駿	Ng King Chun	男	✓	✓	✓

2024 暑期迷你排球訓練班 - 報名名單

訓練地點: MV-01 摩士公園體育館

#	中文姓名	英文姓名	性別	報名費用	家長同意書	身分證明文件
91	吳旻橋	Ng Man Kiu	男	✓	✓	✓
92	吳紫瑩	Ng Tsz Ying	女	✓	✓	✓
93	顏意臻	Ngan Eugenie Yee Chun	女	✓	✓	✓
94	彭溢	Pang Yat	男			
95	潘翎楓	Poon Ling Fung	女	✓	✓	✓
96	潘芷瑩	Poon Tsz Ying	女	✓	✓	✓
97	蕭雅之	Siu Nga Chi	女	✓	✓	✓
98	蕭詠之	Siu Wing Chi	女	✓	✓	✓
99	蘇子涵	So Tse Ham Rita	女			
100	譚曉珊	Tam Hiu Shan	女			
101	譚皓一	Tam Ho Yat	男	✓	✓	✓
102	譚凱桐	Tam Hoi Tung	女	✓	✓	✓
103	鄧晞堯	Tang Hei Yiu	男			
104	謝尚正	Tse Sheung Ching	男	✓	✓	✓
105	蔡喻婷	Tsoi Yu Ting	女	✓	✓	✓
106	董軒璋	Tung Hin Wai	男	✓	✓	✓
107	董芷萁	Tung Tze Kei	女	✓	✓	✓
108	衛堉妍	Wai Sing Yin Itzel	女	✓	✓	✓
109	溫靖游	Wan Tommy Ching Yau	男			
110	王恩慈	Wang Yan Chi Grace	女			
111	黃樂賢	Wing Lok Yin Nicholas	男			
112	黃焯朗	Wong Cheuk Long	男	✓	✓	✓
113	王熙弘	Wong Hei Wang Haden	男			
114	王晞欣	Wong Hei Yan Hazel	女	✓	✓	✓
115	王曉悠	Wong Hiu Yau	女	✓	✓	✓
116	黃婧淘	Wong Jing To	女	✓	✓	✓
117	黃樂仁	Wong Lok Yan Pius	男			
118	黃樂宜	Wong Lok Yi Savannah	女	✓	✓	✓
119	黃朗茵	Wong Scarlett Long Yan	女	✓	✓	✓
120	黃玥晴	Wong Yuet Ching	女	✓	✓	✓
121	胡睿晴	Woo Yui Ching Amber	女	✓	✓	✓
122	胡睿桐	Woo Yui Tong	女	✓	✓	✓
123	丘雋賢	Yau Chun Yin	男	✓	✓	✓
124	葉承熹	Yeh Shing Hey	男	✓	✓	✓
125	楊建和	Yeung Kin Wo	男			
126	楊翹蔚	Yeung Kiu Wai	女	✓	✓	✓
127	楊朗正	Yeung Long Ching	男	✓	✓	✓
128	余愷睿	Yu Hoi Yui	男	✓	✓	✓
129	余冠鋒	Yu Kwun Fung	男	✓	✓	✓
130	俞知实	Yu Zhi Shi	男			
131	俞知頌	Yu Zhi Song	男			
132	翁昊晞	Yung Ho Hei	男	✓	✓	✓
133	翁灝兒	Yung Ho Yee Kaylie	女			
134	周峻熙	Zhou Hyrison	男	✓	✓	✓

2024 暑期迷你排球訓練班 - 報名名單

訓練地點: MV-02 富亨體育館

#	中文姓名	英文姓名	性別	報名費用	家長同意書	身分證明文件
1	區樂妍	Au Lok Yin Jamie	女	✓	✓	✓
2	陳芊穎	Chan Chin Wing Charlotte	女			
3	陳楚穎	Chan Cho Wing	女	✓	✓	✓
4	陳芯頤	Chan Sum Yee	女	✓	✓	✓
5	陳心悅	Chan Sum Yuet	女	✓	✓	✓
6	陳子晴	Chan Tsz Ching	女	✓	✓	✓
7	馮靖然	Fung Ching Yin	男	✓	✓	✓
8	馮溟銘	Fung Gavin	男			
9	葉芊瑜	Ip Chin Yu	女	✓	✓	✓
10	葉芷妍	Ip Tsz Yin	女			
11	葉煜朗	Ip Yuk Long	男	✓	✓	✓
12	關梓進	Kwan Chi Chun	男	✓	✓	✓
13	關思妍	Kwan Sze Yin	女	✓	✓	✓
14	郭尚宜	Kwok Sheung Yee	女	✓	✓	✓
15	郭依澄	Kwok Yee Ching	女			
16	鄭芷蕎	Kwong Tsz Kiu	女	✓	✓	✓
17	盧迪謙	Lo Tik Him Darren	男	✓	✓	✓
18	盧苾琪	Lo Yi Ki	女	✓	✓	✓
19	盧苾碩	Lo Yi Shek	男	✓	✓	✓
20	危鷺	Ngai Chau	男	✓	✓	✓
21	彭雪睿	Pang Macey	女	✓	✓	✓
22	石若彤	Shi Jocelyn	女	✓	✓	✓
23	杜凱澄	Tolno Chisom Agunta	女	✓	✓	✓
24	李哲言	Travis Lee	男	✓	✓	✓
25	董伊桐	Tung Yi Tung	女	✓	✓	✓
26	黃俊熹	Wong Chun Hei	男	✓	✓	✓
27	黃珈楠	Wong Ka Nam Ashley	女	✓	✓	✓
28	王銘駿	Wong Lok Chun	男	✓	✓	✓
29	黃逸星	Wong Yat Sing	男	✓	✓	✓
30	楊雅汶	Yeung Nga Man	女			
31	姚芷悠	Yiu Chi Yau	女	✓	✓	✓
32	茹靖妍	Yu Ching Yin	女	✓	✓	✓
33	余巧皓	Yu Hau Ho	男	✓	✓	✓
34	茹愷妍	Yu Hoi Yin	女	✓	✓	✓
35	袁逸軒	Yuen Yat Hin	男	✓	✓	✓

2024 暑期迷你排球訓練班 - 報名名單

訓練地點: MV-03 楊屋道體育館

#	中文姓名	英文姓名	性別	報名費用	家長同意書	身分證明文件
1	陳緯禮	Chan Asher Boaz	男	✓	✓	✓
2	陳巧千	Chan Hau Chin	女	✓	✓	✓
3	陳諾牽	Chan Lok Hin	男	✓	✓	✓
4	陳美詩	Chan Mei Sze	女	✓	✓	✓
5	陳覓禧	Chan Mik Hei	女	✓	✓	✓
6	陳璿衡	Chan Shuen Hang Merak	男			
7	陳梓諾	Chan Tsz Nok	男	✓	✓	✓
8	陳欣淇	Chan Yan Kei Enya	女	✓	✓	✓
9	鄭敬愉	Cheng King Yu Alfred	男	✓	✓	✓
10	鄭伊辰	Cheng Yee Sun	男			
11	莊梓煒	Cheong Tsz Wai	女	✓	✓	✓
12	張俊文	Cheung Chun Man	男	✓	✓	✓
13	張樂陶	Cheung Le Tao	女	✓	✓	✓
14	張思朗	Cheung Sze Long	男		✓	✓
15	張思語	Cheung Sze Yu Mercy	女	✓	✓	✓
16	張芷曼	Cheung Tsz Man	女	✓	✓	✓
17	趙善滌	Chiu Sin Yau	女	✓	✓	✓
18	趙滌滌	Chiu Tsz Yau	女	✓	✓	✓
19	蔡明霖	Choi Ming Lam	男	✓	✓	✓
20	蔡帕庭	Choi Pak Ting	男	✓	✓	✓
21	周冠耀	Chow Kwun Yiu	男	✓	✓	✓
22	周詩穎	Chow Sze Wing Kristie	女	✓	✓	✓
23	何君兒	Ho Gwan E	女	✓	✓	✓
24	何心怡	Ho Sum Yi	女	✓	✓	✓
25	許樂	Hui Lok	男	✓	✓	✓
26	許楓悠	Hui Sze Yau Hailey	女	✓	✓	✓
27	許殷僑	Hui Yan Kiu	女	✓	✓	✓
28	洪卓嵐	Hung Cheuk Laam	男	✓	✓	✓
29	洪潛淇	Hung Man Ki	女	✓	✓	✓
30	關瑩曦	Kwan Ying Hei	女	✓	✓	✓
31	郭一諾	Kwok Yat Nok	女	✓	✓	✓
32	賴心悠	Lai Sum Yau	女	✓	✓	✓
33	林卓依	Lam Cheuk Yee	女	✓	✓	✓
34	林鈺淳	Lam Chin Shun Gianna	女	✓	✓	✓
35	林莉桐	Lam Lee Tung	女	✓	✓	✓
36	林柏皓	Lam Pak Ho Kyros	男	✓	✓	✓
37	林宸禧	Lam San Hei	男	✓	✓	✓
38	劉頌一	Lau Chung Yat	男	✓	✓	✓
39	劉佳愈	Lau Kai Yu	女	✓	✓	✓
40	劉樟學	Lau Wai Hok	男	✓	✓	✓
41	羅麗旻	Law Lai Man	女			
42	羅子航	Law Tze Hon	男	✓	✓	✓
43	羅鈺智	Law Yuk Chi	男	✓	✓	✓
44	李芊嵐	Lee Chin Nam	女	✓	✓	✓
45	李雋灝	Lee Jettias	男	✓	✓	✓

2024 暑期迷你排球訓練班 - 報名名單

訓練地點: MV-03 楊屋道體育館

#	中文姓名	英文姓名	性別	報名費用	家長同意書	身分證明文件
46	李諾恩	Lee Nok Yan Charlie	女	✓	✓	✓
47	梁縉宇	Leung Chun Yu Adriel	男	✓	✓	✓
48	梁以琳	Leung Elim	女		✓	✓
49	梁健興	Leung Kin Hing	男	✓	✓	✓
50	梁博善	Leung Pok Sin	男	✓	✓	✓
51	梁配華	Leung Pui Wai	男			
52	梁信希	Leung Shun Hei	男		✓	✓
53	梁悅珉	Leung Yuet Man	男			
54	李希恩	Li Hei Yan	女	✓	✓	✓
55	李庚融	Li Kang Yung	男	✓	✓	✓
56	李彥鋒	Li Yin Fung	男	✓	✓	✓
57	廖之琪	Liu Chi Ki	女	✓	✓	✓
58	廖倪佟	Liu Ngai Tung	女	✓	✓	✓
59	羅芷薇	Lo Kalaen Harmony	女	✓	✓	✓
60	龍逸晞	Lung Yat Hei Aiden	男	✓	✓	✓
61	馬梓傑	Ma Tsz Kit	男			
62	麥以律	Mak Yee Lut Mordred	男	✓	✓	✓
63	文松謙	Man Chung Him	男	✓	✓	✓
64	文海旭	Man Hoi Yuk Jay	男	✓	✓	✓
65	莫懿喬	Mok Riley	女	✓	✓	✓
66	吳智傑	Ng Chi Kit	男	✓	✓	✓
67	吳智琛	Ng Chi Sum	男	✓	✓	✓
68	吳子愉	Ng Tsz Yu	男	✓	✓	✓
69	柯善瑤	Or Sin Yiu	女			
70	潘彥文	Poon Yin Man	男	✓	✓	✓
71	潘彥婷	Poon Yin Ting	女			
72	單樂婧	Sin Lok Ching	女	✓	✓	✓
73	薛雯琳	Sit Man Lam	女			
74	譚雅之	Tam Audrey Nga Chi	女	✓	✓	✓
75	譚語謙	Tam You Him	男			
76	唐健麒	Tong Kin Kei Cade	男	✓	✓	✓
77	唐健麟	Tong Kin Lun Canning	男	✓	✓	✓
78	曾浚彥	Tsang Chun	男	✓	✓	✓
79	曾映霖	Tsang Ying Lam	女	✓	✓	✓
80	謝卓彤	Tse Cheuk Tung	女	✓	✓	✓
81	蔡鎧琳	Tsoi Hoi Lam Carynn	女			
82	李嫻	Turner Ashlyn Leana	女	✓	✓	✓
83	尹智民	Wan Chi Man	男	✓	✓	✓
84	溫巧怡	Wan Hau Yi	女	✓	✓	✓
85	王晏蕎	Wong An Kiu	女	✓	✓	✓
86	黃芍瑜	Wong Cheuk Yu Eunice	女	✓	✓	✓
87	黃正諾	Wong Ching Nok Raphael	男	✓	✓	✓
88	黃俊然	Wong Chun Yin	男	✓	✓	✓
89	黃靖嫻	Wong Jin Yin	女	✓	✓	✓
90	黃嘉朗	Wong Ka Long	男	✓	✓	✓

2024 暑期迷你排球訓練班 - 報名名單

訓練地點: MV-03 楊屋道體育館

#	中文姓名	英文姓名	性別	報名費用	家長同意書	身分證明文件
91	黃景馳	Wong King Chee	男	✓	✓	✓
92	黃樂行	Wong Lok Hang	男	✓	✓	✓
93	黃詩晴	Wong Sze Ching	女	✓	✓	✓
94	黃恩錡	Wong Yan Kee Yanki	女			
95	黃逸嵐	Wong Yat Laam	男	✓	✓	✓
96	胡逸朗	Wu Yat Long	男	✓	✓	✓
97	楊欣怡	Yeung Yan Yee	女	✓	✓	✓
98	葉靖恆	Yip Ching Hang	男	✓	✓	✓
99	葉靖嵐	Yip Ching Nam	男	✓	✓	✓
100	余臻鎔	Yu Chun Lok	女	✓	✓	✓
101	翁皓洋	Yung Ho Yeung	男	✓	✓	✓

2024 暑期迷你排球訓練班 - 報名名單

訓練地點: MV-04 天暉路體育館

#	中文姓名	英文姓名	性別	報名費用	家長同意書	身分證明文件
1	陳澤昊	Chan Chak Ho	男	✓	✓	✓
2	陳澤銘	Chan Chak Ming	男	✓	✓	✓
3	陳俊傑	Chan Chun Kit	男			
4	陳栢昊	Chan Pak Ho	男	✓	✓	✓
5	陳沛錕	Chan Pui Si	女			
6	陳梓霖	Chan Tsz Lam	男			
7	陳祉彤	Chan Tsz Tung	女	✓	✓	✓
8	陳芷瑩	Chan Tze Ying	女	✓	✓	✓
9	陳裕鈞	Chan Yu Kwan	男			
10	周旻樂	Chau Man Lok	男	✓	✓	✓
11	陳熹柏	Chen Hei Pak Bruce	男	✓	✓	✓
12	陳葆彥	Chen Po Yin	男	✓	✓	✓
13	陳葆盈	Chen Po Ying	女	✓	✓	✓
14	鄭羽晴	Cheng Yu Ching	女	✓	✓	✓
15	張綽晞	Cheung Cheuk Hei	男	✓	✓	✓
16	張浚銘	Cheung Chun Ming	男	✓	✓	✓
17	張天皓	Cheung Tin Ho	男	✓	✓	✓
18	蔡卓謙	Choi Cheuk Him	男	✓	✓	✓
19	周子敬	Chow Tsz King	男	✓	✓	✓
20	馮皓望	Fung Ho Long	男	✓	✓	✓
21	韓璐	Han Lo	男	✓	✓	✓
22	許鈞堯	Hui Kwan Yiu	男			
23	詹柏朗	Jam Pak Long	男	✓	✓	✓
24	詹柏然	Jam Pak Yin	男	✓	✓	✓
25	江婉琳	Kong Yuen Lam	女			
26	黎奕進	Lai Yik Chun	男	✓	✓	✓
27	黎奕言	Lai Yik Yin	男	✓	✓	✓
28	劉清瑜	Lau Ching Yu	女			
29	劉奕彤	Lau Yik Tung Chloe	女	✓	✓	✓
30	羅卓希	Law Cheuk Hei	男	✓	✓	✓
31	羅逸晉	Law Yat Chun	男	✓	✓	✓
32	梁皓澄	Leung Ho Ching	女	✓	✓	✓
33	梁凱迪	Leung Hoi Tik	男			
34	梁仕卓	Leung Shi Cheuk	男	✓	✓	✓
35	梁兆天	Leung Siu Tin	男	✓	✓	✓
36	李焯穎	Li Cheuk Wing Kronus	女	✓	✓	✓
37	李焯柔	Li Cheuk Yau Kristee	女	✓	✓	✓
38	李芊玥	Li Chin Yuet	女	✓	✓	✓
39	梁諾言	Liang Nok Yin	男	✓	✓	✓
40	廖韻希	Liu Wan Hei	女			
41	廖允言	Liu Wan Yin	男			
42	駱奕塋	Lok Yik Long	男	✓	✓	✓
43	繆天朗	Mau Tin Long	男	✓	✓	✓
44	吳智傑	Ng Chi Kit	男	✓	✓	✓
45	吳智琛	Ng Chi Sum	男	✓	✓	✓

2024 暑期迷你排球訓練班 - 報名名單

訓練地點: MV-04 天暉路體育館

#	中文姓名	英文姓名	性別	報名費用	家長同意書	身分證明文件
46	吳佩霖	Ng Pui Lam	女	✓	✓	✓
47	吳瞳希	Ng Tung Hei	女	✓	✓	✓
48	吳瞳欣	Ng Tung Yan	女	✓	✓	✓
49	柯天賜	Or Tin Chi	男	✓	✓	✓
50	譚証謙	Tam Ching Him	男	✓	✓	✓
51	鄧俊希	Tang Chun Hei	男	✓	✓	✓
52	鄧雋熙	Tang Chun Hei	男			
53	鄧晞藍	Tang Hei Nam	男	✓	✓	✓
54	鄧浩謙	Tang Ho Long	男			
55	鄧逸曦	Tang Yat Hei	男	✓	✓	✓
56	丁言一	Ting Yin Yat	男	✓	✓	✓
57	溫鎧澄	Won Hoi Ching	女			
58	黃靖航	Wong Ching Hong	男	✓	✓	✓
59	黃正陽	Wong Ching Yeung Irenaeus	男	✓	✓	✓
60	黃海量	Wong Hoi Leong	男	✓	✓	✓
61	王天照	Wong Tin Chiu	男	✓	✓	✓
62	黃梓軒	Wong Tsz Hin	男	✓	✓	✓
63	胡逸朗	Wu Yat Long	男	✓	✓	✓
64	楊懿桐	Yeung Yi Tung	女	✓	✓	✓
65	姚皓証	Yiu Clifton Ho Ching	男	✓	✓	✓